TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2023
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

2. Ông Trần Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H (tên thường gọi khác H), sinh năm 1981; cư trú tại: số 19, tổ 02, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Lê Phước H1, sinh năm 1977; cư trú tại: số 19, tổ 02, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lê Phước H1 bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H1 ham chơi cờ bạc, có quan hệ bất chính với người khác và có hành vi bạo lực đánh đập chị. Chị đã khuyên nhủ, thuyết phục và nhiều lần

cho anh H1 cơ hội để sửa chữa nhưng anh H1 không thay đổi. Hiện nay chị và anh H1 không còn chung sống với nhau, trong thời gian này anh chị cùng không gặp nhau để hàn gắn, hòa giải. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Phước H1.

- Về con chung: chị và anh H1 có 02 người con chung là Lê Trung H2, sinh ngày 07/01/2002 và Lê Nguyễn H3, sinh ngày 19/5/2008. Cháu H2 đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H3 và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Phước H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh thừa nhận những lời trình bày của chị Nguyễn Thị H về thời gian chung sống và không đăng ký kết hôn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: anh thừa nhận những lời trình bày của chị H về họ tên, ngày/tháng/năm sinh của 02 người con chung là đúng. Cháu Lê Trung H2 đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết; anh đồng ý giao cháu Lê Nguyễn H3 cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: chị H, anh H1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định; xác minh, thu thập chứng cứ đúng trình tự; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định; thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

Về hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Lê Phước H1 là vợ chồng.

Về con chung: cháu Lê Trung H2, sinh ngày 07/01/2002 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; giao cháu Lê Nguyễn H3, sinh ngày 19/5/2008 cho chị H nuôi dưỡng; ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H, anh H1 không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh H1 tự nguyện chung sống với nhau từ khoảng năm 2001. Các bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1.

[3] Về con chung: anh H1 và chị H có 02 người con chung là cháu Lê Trung H2, sinh ngày 07/01/2002 và Lê Nguyễn H3, sinh ngày 19/5/2008. Cháu H2 đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết. Cháu H3 có nguyện vọng được sống với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh H1 thỏa thuận giao cháu H3 cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H3; cháu H3 đã quen với điều kiện, môi trường sống và được chị H nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo điều kiện tốt nhất. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu H3 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị H, anh H1 không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 14, 15, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Phước H1 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H với anh Lê Phước H1. Chị H và anh H1 không có quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: cháu Lê Trung H2, sinh ngày 07/01/2002 đã thành niên, anh H1 và chị H không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Lê Nguyễn H3, sinh ngày 19/5/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Lê Phước H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh H1 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị H, anh H1 không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0004271 ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Hải